

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 292/BV-HCQT ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, địa chỉ tại thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam tại thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 107 đường Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Quyết định thành lập Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam số 839/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 20/3/2001; Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam; Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, chữa bệnh số 00305/SYT-GPHĐ ngày 01/10/2023 của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam (cấp lần 2).

1.4. Mã số thuế: 400349126.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ: khám, chữa bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở: 46.139 m².

- Công suất: 1.007 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam;
- Sở Y tế tỉnh Quảng Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, Cục KSONMT, CN&NH, Th.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, căng tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam (Bệnh viện).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của Bệnh viện.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ quá trình giặt là tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn của Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các khoa, phòng khám của Bệnh viện.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm của Bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường tỉnh 609B, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam sau đó chảy ra sông Vu Gia.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ ga thu nước thải trên đường tỉnh 609B, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1757094 ; Y = 539222 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1		
12	Tổng coliform	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibro cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, căng tin của Bệnh viện (nguồn số 01) được đưa qua các bể tách dầu mỡ (có 02 bể tách dầu mỡ, tổng thể tích 0,55m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của Bệnh viện (nguồn số 02) được đưa qua các bể tự hoại (có 41 bể tự hoại, tổng thể tích 287 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ quá trình giặt là tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn của Bệnh viện (nguồn số 03) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải y tế từ các khoa, phòng khám của Bệnh viện (nguồn số 04) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm của Bệnh viện (nguồn số 05) được thu gom vào thùng chứa sau đó cuối ngày sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 41 bể

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng dung tích thiết kế: 287m³ (dung tích 7m³/bể).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách mỡ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lọc rác → Ngăn tách mỡ → Ngăn chứa nước → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng dung tích thiết kế: 0,55m³, bao gồm 02 bể cho nguồn số 01 (dung tích bể số 01: 0,5m³, dung tích bể số 02 là 0,05m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày (24 giờ)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác thô → Bể tiếp nhận → Thiết bị tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể kỵ khí vách ngăn → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể đặt module màng lọc MBR → Hồ gom nước thải → Công thoát nước chung trên đường tỉnh 609B.

- Hóa chất: Chlorine, NaOCl, Na₂CO₃ (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể tiếp nhận, bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) Hệ vi sinh trong nước giảm hoặc chết, nước được bơm về bể tiếp nhận và bể điều hòa để lưu giữ, điều chỉnh tốc độ bơm, đồng thời, cán bộ vận hành ngưng nạp tải, chạy nội tuần hoàn cho cụm bể vi sinh, bổ sung men vi sinh kỵ khí và hiếu khí để phục hồi sinh khối bùn, sau khi khắc phục, tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; (2) Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (3) Trường hợp tắc màng MBR hoặc sự cố rách màng, nước được bơm về bể tiếp nhận và bể điều hòa để lưu giữ, đồng thời, cán bộ vận hành ngưng nạp tải và tiến hành rửa màng MBR, trường hợp rách

màng sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng để thay thế, sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ bể tiếp nhận nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường; (4) Trường hợp hệ thống gặp các sự cố trên mà thời gian sửa chữa kéo dài, nước thải vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, Bệnh viện sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, hút nước thải đi để xử lý, không xả nước thải chưa được xử lý ra ngoài môi trường, sau khi khắc phục xong sự cố sẽ tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đáp ứng giá trị giới hạn tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01, công suất 115 kVA (nhiên liệu sử dụng dầu DO).
- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 02, công suất 550 kVA (nhiên liệu sử dụng dầu DO).
- Nguồn số 04: Hơi từ hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm của Bệnh viện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Bệnh viện tại khu 7, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1757048; Y = 539218.

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 500m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (theo đề nghị của Chủ cơ sở), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01			Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 01) thu gom về hệ thống xử lý khí thải (mùi) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải (mùi) → Quạt hút → Tháp hấp phụ (sử dụng vật liệu hấp phụ là than hoạt tính) → Ống thải.

- Công suất thiết kế: $500\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các máy phát điện, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi), hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm để có thể phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời.

- Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị phát sinh bụi, khí thải thì phải dừng hoạt động các thiết bị có liên quan trực tiếp để xử lý, khắc phục sự cố trước khi cho vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện), không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.4. Khí thải từ hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm (sử dụng nước sạch để hóa hơi khử trùng chất thải), chỉ sử dụng gián đoạn khi hoạt động hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm, không có hệ thống xử lý khí thải. Hơi nước thoát ra ngoài sau khi ngưng tụ được lưu chứa tại thùng chứa và cuối ngày vận chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $300\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) để xử lý.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt quạt hút của hệ thống xử lý khí thải (mùi).
- Nguồn số 03: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 04: Khu vực nhà đặt hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 1757051; Y=539221.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện X = 1757058; Y = 539225.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện X = 1756825; Y = 539289.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện X = 1756722; Y = 539281.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị. Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Bệnh viện để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	80.000
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	500
3	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	650
4	Ắc quy chì thải	16 01 12	100
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 01	300
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang)	18 01 02	550
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	300
9	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	1.500
10	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	250
11	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	250
Tổng			84.500

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải là vật liệu giấy	7.500
2	Chất thải là vật liệu nhựa	9.500
3	Chất thải là vật liệu thủy tinh	2.000
4	Chất thải là vật liệu kim loại	1.000
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	100
Tổng khối lượng		20.100

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	300

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa: Kho chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm có diện tích 20m² và kho lưu giữ chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm có diện tích 20m². Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hố thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, bao bì mềm.

2.2.2. Kho lưu chứa: 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 20m². Kho có tường bao, lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, xe đẩy.

2.3.2. Kho lưu chứa: 01 kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20m². Kho có tường bao, lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển kho chứa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng chất thải

Đã lắp đặt 01 hệ thống khử trùng bằng hơi nóng ẩm kết hợp nghiền cắt bên trong, công suất xử lý 55 -70 kg/giờ xử lý chất thải y tế lây nhiễm (không bao gồm chất thải sắc nhọn).

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 56 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm → Nghiền cắt → Khử trùng bằng hơi nước → Thùng chứa → Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Công suất thiết kế: 55-70 kg/giờ.

- Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian vận hành thử nghiệm: Do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm.

- Vị trí lấy mẫu: Chất thải đầu vào và chất thải sau xử lý.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện phải giám sát và đánh giá chất thải sau xử lý của hệ thống khử trùng chất thải y tế lây nhiễm theo QCVN 55:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định số 2840/QĐ-BTNMT ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam”, hiện tại Bệnh viện đang tiếp tục xây dựng Khoa Truyền nhiễm – Lây – Lao và hệ thống thu gom nước thải phát sinh tại Khoa này đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm (hiện có) để xử lý.

Đối với hạng mục, công trình bảo vệ môi trường, Bệnh viện đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường tại Quyết định số 2840/QĐ-BTNMT nêu trên; không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục xây dựng, đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng Khoa Truyền nhiễm – Lây – Lao và hoạt động của Bệnh viện bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Giám sát và vận hành hệ thống khử trùng chất thải y tế lấy nhiễm theo quy định tại QCVN 55:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lấy nhiễm.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.